BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7678 /BC-BNN-KL	*Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

BÁO CÁO
Đánh giá tác động của chính sách Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 01/9/2020, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định số 102/2020/NĐ-CP Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (Nghị định số 102/2020/NĐ-CP) để thực hiện những cam kết của Hiệp định Đối tác tự nguyện về Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (VPA/FLEGT) và quy định chi tiết Điều 69 của Luật Lâm nghiệp năm 2017. Nghị định số 102/2020/NĐ-CP, quy định 05 nội dung cơ bản gồm: (i) Quản lý gỗ nhập khẩu; (ii) Quản lý gỗ xuất khẩu; (iii) Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; (iv) Cấp phép FLEGT; và (v) Đánh giá độc lập. So với các văn bản pháp luật hiện hành, Nghị định số 102/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành của các điều khoản không cùng một thời điểm. Trong khi quy định về quản lý gỗ nhập khẩu có hiệu lực từ 30/10/2020, thì phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu có hiệu lực vào ngày 01/5/2022 và các quy định còn lại chưa xác định thời điểm thi hành.

Nghị định số 102/2020/NĐ-CP được thực thi đúng thời điểm đại dịch COVID-19 lan rộng và kéo dài trên toàn cầu, nền kinh tế thế giới rơi vào trạng thái khủng hoảng trầm trọng do gián đoạn chuỗi cung ứng, các biện pháp phòng vệ trước dịch bệnh của các quốc gia đã gây ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế trên quy mô toàn cầu. Trước tình hình khó khăn đó, ngành chế biến gỗ xuất khẩu Việt Nam đã tỏ ra có sức chống chịu tốt, vượt qua những thách thức lớn do tác động của đại dịch COVID-19 mang lại kết quả tăng trưởng ấn tượng. Năm 2022, mặc dù bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và cuộc chiến giữa Nga - Ukraine, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vẫn đạt 15,67 tỷ USD, tăng 10,9% so với năm 2021. Các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU và Hàn Quốc, hiện chiếm trên 90% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Năm 2022, các doanh nghiệp Việt Nam đã chi trên 2,9 tỷ USD để nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ 108 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Trong các năm 2020, năm 2021, ngành gỗ Việt Nam phải chịu thêm áp lực từ những vụ kiện phòng vệ thương mại mới từ Hoa Kỳ liên quan đến các hành vi gian lận thương mại, lẩn tránh thuế. Ngày 02/10/2020, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) đã khởi động một cuộc điều tra theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại Hoa Kỳ nhằm điều tra việc sử dụng gỗ được cho là khai thác hoặc buôn bán bất hợp pháp của Việt Nam. Đây là cuộc điều tra theo Mục 301 đầu tiên của Hoa Kỳ nhằm giải quyết những quan ngại về môi trường. Trước bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ đã nỗ lực đàm phán Thỏa thuận về kiểm soát khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp nhằm ngăn chặn gỗ khai thác hoặc buôn bán bất hợp pháp tham gia chuỗi cung ứng, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Ngày 01/10/2021, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký Thỏa thuận, là cơ sở để Chính phủ Hoa Kỳ khép lại Vụ điều tra 301 theo hướng không gây bất lợi cho việc xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ, góp phần nâng cao uy tín của ngành gỗ Việt Nam, làm nền tảng cho phát triển lâm nghiệp bền vững, phục vụ lợi ích cho người dân và doanh nghiệp hai nước. Một trong những cam kết của Chính phủ Việt Nam trong Thỏa thuận là xem xét và sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102/2020/NĐ-CP cho phù hợp, đặc biệt là về quản lý gỗ nhập khẩu và phân loại doanh nghiệp.

Sau ba năm thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP, Cục Kiểm lâm (cơ quan đầu mối theo dõi việc thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP) đã nhận được nhiều ý kiến phản hồi của các bên liên quan đặc biệt là của các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ và cơ quan Hải quan. Bên cạnh đó, các địa phương cũng đã góp ý về các nội dung chưa có hiệu lực của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP như xác minh xuất khẩu và cấp phép FLEGT cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Về công bố danh sách vùng địa lý tích cực: Nghị định số 102 chưa quy định về cơ chế lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức xã hội có liên quan đối với việc xem xét, quyết định công bố danh sách vùng địa lý tích cực theo quy định tại khoản 3 Điều 5 nên việc tiếp cận với các nguồn thông tin về quy định pháp luật quốc gia về trách nhiệm giải trình tính hợp pháp của gỗ cho toàn bộ chuỗi cung ứng, hệ thống chứng chỉ gỗ... của các vùng địa lý xuất khẩu gỗ vào Việt Nam còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình xem xét, đối chiếu giữa quy định pháp luật của các vùng địa lý đó so với Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

- Hiện nay, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ 108 quốc gia trên thế giới, nhưng các thông tin về quy định pháp luật của từng quốc gia còn hạn chế, dẫn đến khó khăn cho cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, xác minh

thông tin do doanh nghiệp kê khai trong Mẫu số 03 Phục lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102.

- Về thực hiện kê khai Bảng kê gỗ nhập khẩu: Đối với các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ với số lượng lớn Log List/Packing List của nhà xuất khẩu đã có các thông tin đầy đủ và phù hợp với Bảng kê gỗ nhập khẩu gỗ theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục I, nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 nhà nhập khẩu vẫn phải kê khai lại đầy đủ các nội dung trong Mẫu số 01 và Mẫu số 02 dẫn đến mất nhiều thời gian lưu kho, bãi và gây ách tắc trong quá trình nhập khẩu, đồng thời phát sinh thêm chi phí và ảnh hưởng đến việc kinh doanh và lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp.

- Về đối tượng xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu: Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP, chỉ xác nhận nguồn gốc gỗ khi xuất khẩu đối với lô hàng gỗ có nguồn gốc từ rừng trồng xuất khẩu sang thị trường EU, đối với thị trường ngoài EU thì không xác nhận; như vậy chưa có sự bình đẳng giữa các thị trường.

- Về đối tượng phân loại doanh nghiệp: Theo Hiệp định VPA/FLEGT thì phân loại doanh nghiệp áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung ứng gỗ (nhập khẩu, khai thác, mua bán, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ) có hiệu lực từ ngày 01/6/2019. Ngày 01/10/2021, Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ ký thỏa thuận khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp (Thỏa thuận), có hiệu lực từ ngày 31/10/2021; theo đó, Việt Nam cam kết mở rộng đối tượng phân loại đối với doanh nghiệp nhập khẩu gỗ. Vì vậy, quy định về phân loại doanh nghiệp trong Nghị định số 102/2020/NĐ-CP chưa phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT và Thỏa thuận.

- Về cấp giấy phép FLEGT: Theo quy định tại Hiệp định VPA/FLEGT thì giấy phép FLEGT chỉ cấp cho các lô hàng nhập khẩu vào EU. Vì vậy, quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định áp dụng cấp giấy phép FLEGT đối với lô hàng gỗ tạm nhập, tái xuất chưa phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT.

- Về kiểm tra, xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu đối với các lô hàng gỗ nhập khẩu của hải quan: Tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định trách nhiệm của cơ quan Hải quan trong việc kiểm tra, xác nhận Bảng kê gỗ nhập khẩu trước khi thông quan; tuy nhiên, chưa có quy định chi tiết về nội dung, hình thức xác nhận, dẫn đến thông tin, nội dung xác nhận trên Bảng kê gỗ nhập khẩu của cơ quan Hải quan không đồng bộ, thống nhất; gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, truy xuất trong trường hợp cần thiết. Bên cạnh đó, việc xác nhận vào Mẫu số 01 và Mẫu số 02 làm ảnh hưởng

đến Hệ thống hải quan điện tử do phát sinh thêm thủ tục do phải scan đưa lên hệ thống.

- Về tiếp nhận và lưu giữ hồ sơ gỗ nhập khẩu: Tại khoản 3 Điều 27 quy định trách nhiệm của hải quan phải kiểm tra, xác nhận Bảng kê gỗ nhập khẩu; tuy nhiên, không quy định cụ thể sau khi kiểm tra, xác nhận, cơ quan hải quan cửa khẩu có phải trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp để sử dụng trong mua bán, chuyển giao và vận chuyển gỗ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 và lưu giữ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 27 hay không. Quy định như hiện nay, các cơ quan Hải quan cửa khẩu đang có cách hiểu khác nhau khi làm thủ tục thông quan: (1) Yêu cầu chủ gỗ làm 02 bộ hồ sơ, 01 lưu tại chi cục Hải quan, 01 gửi trả lại cho chủ gỗ; (2) Yêu cầu chủ gỗ làm 01 bộ hồ sơ, sau khi kiểm tra, xác nhận cho thông quan và trả lại hồ sơ chủ gỗ.

- Về công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan Kiểm lâm đối với gỗ nhập khẩu: Cơ quan Kiểm lâm không được tham gia quản lý gỗ nhập khẩu ở giai đoạn đầu khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông quan, trong khi đó Bảng kê gỗ nhập khẩu do doanh nghiệp nhập khẩu tự lập nên cán bộ Kiểm lâm không căn cứ để kiểm tra, xác minh, truy xuất nguồn gốc gỗ nhập khẩu trong quá trình mua bán, vận chuyển đặc biệt khi xác định lô gỗ có dấu hiệu vi phạm trong trường hợp mua đi bán lại nhiều lần gỗ nhập khẩu.

- Quy định về thời gian báo cáo định kỳ chưa thống nhất với chu kỳ báo cáo thuế của doanh nghiệp, dẫn đến số liệu khác nhau khi báo cáo cho cơ quan Kiểm lâm và cơ quan Thuế, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Hệ thống mẫu biểu báo cáo quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP còn chưa thống nhất với Hệ thống mẫu biểu báo cáo tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ NNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Vì vậy đã gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tổng hợp, báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản khi phải thực hiện đồng thời 02 quy định.

- Tại điểm d khoản 4 Điều 27 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân; quy định: *"d) Kê khai, giải trình, cung cấp các thông tin liên quan đến nguồn gốc gỗ nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Nghị định này và chấp hành sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng có thẩm quyền."*. Tuy nhiên, hiện nay nhiều doanh nghiệp ủy thác cho doanh nghiệp khác để thực hiện thủ tục nhập khẩu gỗ nên các thông tin trong Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP chưa được kê khai đầy đủ theo quy định.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể:

- Bảo đảm thực hiện có trách nhiệm các nội dung cam kết trong Điều ước quốc tế hoặc Thỏa thuận quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Tạo khung khổ pháp lý đầy đủ, thống nhất về cơ chế, chính sách khuyến khích tạo thuận lợi cho việc nhập khẩu gỗ từ các quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực và gỗ không thuộc loài rủi ro nhập khẩu và Việt Nam, kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu gỗ từ các quốc gia, vùng lãnh thổ không thuộc vùng địa lý tích cực và gỗ thuộc loài rủi ro, qua đó khẳng định quan điểm của Chính phủ Việt Nam là chỉ có gỗ hợp pháp mới tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định.

b) Mục tiêu cụ thể: Ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP, trong đó quy định các nội dung về:

+ Mở rộng đối tượng phân loại doanh nghiệp.

+ Sửa đổi, bổ các tiêu chí xác định quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực.

+ Sửa đổi, bổ sung đối tượng xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp trước khi xuất khẩu.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Mở rộng đối tượng phân loại doanh nghiệp.

a) Xác định vấn đề bất cập:

Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ. Tính đến ngày 15/6/2023, đã có 185/1.348 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ được xếp loại Nhóm I. Các doanh nghiệp còn lại chưa tham gia phân loại hoặc đăng ký nhưng chưa đủ tiêu chí phân loại là (i) doanh nghiệp Nhóm I. Nguyên nhân chủ yếu là doanh nghiệp chưa nhận thức được các lợi ích khi tham gia hệ thống phân loại doanh nghiệp và được phân loại là doanh nghiệp Nhóm I, (ii) Việc phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ vẫn tồn tại nhiều khó khăn và hạn chế, số lượng doanh nghiệp đề nghị phân loại và doanh nghiệp đạt Nhóm I đạt thấp, chủ yếu tập trung tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bình Định; nhiều doanh nghiệp không đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí phân loại, nhất là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa do không đủ điều kiện để bảo đảm tuân thủ một số quy định về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt tiêu chí tuân thủ quy định về phòng cháy chữa cháy.

Tuy nhiên, theo nội dung cam kết trong Hiệp định VPA/FLEGT thì đối tượng doanh nghiệp tham gia Hệ thống phân loại doanh nghiệp gồm toàn bộ doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ từ nhập khẩu, trồng rừng, khai

thác, vận chuyển, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ; đối với Thỏa thuận là doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến gỗ xuất khẩu.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Quy định đối tượng tham gia doanh nghiệp được phân loại để bảo đảm hài hòa giữa thực tiễn ở Việt Nam và các nội dung đã cam kết trong Điều ước hoặc Thỏa thuận quốc tế; kết hợp với việc trao đổi, thống nhất với phía EU để việc phân loại doanh nghiệp có tính khả thi cao.

Tuyên truyền, hướng dẫn để doanh nghiệp hiểu đầy đủ lợi ích, những giá trị thương hiệu, sản phẩm gỗ và sản phẩm gỗ khi tham gia hệ thống phân loại doanh nghiệp và đáp ứng tiêu chí là doanh nghiệp Nhóm I.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng *(Nhà nước không can thiệp bằng việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật)*.

Giải pháp 2: Bổ sung phân loại đối với 03 đối tượng gồm: Doanh nghiệp nhập khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu. Đồng thời, quy định doanh nghiệp tham gia phân loại theo hướng tự nguyện (tự kê khai, tự chịu trách nhiệm).

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thêm thời gian, nhân lực, không phát sinh chi phí để hướng dẫn và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định.

+ Tiêu cực: Không thực hiện đầy đủ nội dung đã cam kết với EU và Hoa Kỳ liên quan đến nội dung này, qua đó làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh, thương hiệu, trị giá xuất khẩu của ngành gỗ Việt Nam trên thị trường quốc tế (khoảng 60% gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ).

- Tác động về hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Tiêu cực: Theo quy định pháp luật về Hải quan, doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu được phân luồng rủi ro để áp dụng các biện pháp quản lý khác nhau khi làm thủ tục Hải quan. Việc phân luồng rủi ro nhập khẩu, xuất khẩu gỗ của doanh nghiệp căn cứ vào hoạt động quản lý của hệ thống pháp luật chuyên ngành. Vì vậy, việc không bổ sung đối tượng phân loại doanh nghiệp nhập khẩu,

xuất khẩu gỗ gây khó khăn cho hoạt động quản lý của cơ quan Hải quan, dẫn đến thiếu đồng bộ trong công tác quản lý dựa trên rủi ro giữa Hải quan và cơ quan Kiểm lâm.

Không thực hiện đầy đủ nội dung đã cam kết với EU và Hoa Kỳ.

Giải pháp 2:

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Thực hiện đầy đủ nội dung đã cam kết với EU và Hoa Kỳ liên quan đến nội dung này, qua đó nâng cao: (i) Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tăng, khả năng tiếp cận thị trường của doanh nghiệp tích cực hơn. Thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường khó tính như EU, Nhật, Mỹ, Úc. Nâng cao giá trị về thương mại đối với doanh nghiệp Nhóm I; (ii) Phân loại doanh nghiệp trước mắt có thể ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, nhưng về lâu dài sẽ nâng cao khả năng cạnh tranh, tiếp cận thị trường lớn, bền vững sẽ tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và có phương pháp quản trị tốt hơn.

+ Tiêu cực: Tốn kém thêm thời gian, nhân lực và phát sinh thêm chi phí để hướng dẫn và phổ biến những quy định mới. Làm thay đổi số đối tượng, số lượng doanh nghiệp tham gia hệ thống phân loại doanh nghiệp.

- Tác động đến hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Quy định thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật về Hải quan và pháp luật trong lĩnh vực quản lý lâm sản (gỗ) trong việc phân loại rủi ro để áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp. Phù hợp với xu thế áp dụng chính sách quản lý doanh nghiệp của các nước phát triển trên thế giới.

+ Tiêu cực: Làm thay đổi một số chính sách trong hệ thống pháp luật hiện hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội và những giá trị tiềm năng tác động đối với doanh nghiệp và hệ thống pháp luật, Bộ Nông nghiệp và PTNT lựa chọn thực hiện theo giải pháp 2 nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước, phù hợp với Điều ước quốc tế và Thỏa thỏa quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

2. Chính sách 2: Sửa đổi, bổ các tiêu chí xác định quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực.

a) Xác định vấn đề bất cập:

- Quy định tiêu chí có quy định pháp luật quốc gia về trách nhiệm giải trình tính hợp pháp của gỗ cho toàn bộ chuỗi cung ứng từ quốc gia nơi khai thác phù hợp với Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam mang tính chất định tính, khó khăn cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn so sánh, xác định quốc gia đáp ứng tiêu chí này.

- Theo Báo cáo của Nhóm chuyên gia tư vấn hỗ trợ Nhóm công tác kỹ thuật (JEM) về việc áp dụng phương pháp xây dựng danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực thì không có quốc gia, vùng lãnh thổ nào đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP (nội luật hóa Mục 6.3.7.5 (a), Phụ lục V Hiệp định VPA/FLEGT) thì không có quốc gia nào đạt một trong hai tiêu chí này.

- Thực hiện cam kết tại Thỏa thuận trong việc loại bỏ khỏi danh sách quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực nhưng có bằng chứng chứng minh quốc gia, vùng lãnh thổ đó có liên quan đến khai thác, buôn bán gỗ bất hợp pháp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Bảo đảm các tiêu chí phải cụ thể, minh bạch, chính xác, có tỉnh khả thi cao khi áp dụng để xác định quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam. Qua đó tạo bộ lọc tin cậy bảo đảm chỉ có gỗ hợp pháp mới nhập khẩu vào Việt Nam; giúp tăng giá trị cốt lõi thương hiệu quốc gia và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng *(Nhà nước không ban hành, sửa đổi, bổ sung thêm các tiêu chí hiện tại)*.

Giải pháp 2:

Rà soát, điều chỉnh cụ thể phù hợp với chuỗi cung ứng ở Việt Nam bao gồm những giai đoạn cụ thể nào để so sánh, đối chiếu với quy định của pháp luật Việt Nam trong quản lý chuỗi cung ứng gỗ. Các tiêu chí đưa ra để có thể xem xét, xác định chính xác quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực. Tránh việc gây rào cản khi không có bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ nào đáp ứng được tiêu chí quy định trong Nghị định.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thời gian, nhân lực để xây dựng và phổ biến những chính sách mới.

+ Tiêu cực: Khó khăn trong việc xác định quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP. Không có quốc gia, vùng lãnh thổ nào đáp ứng tiêu chí vùng địa lý tích cực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Tiêu cực: Không phù hợp với thực tiễn khi quy định đưa ra nhưng không có bất cứ quốc gia nào đáp ứng.

Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Thuận lợi cho quá trình đánh giá, xác định quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực và phù hợp với thực tiễn.

+ Tiêu cực: Phát sinh chi phí trong việc rà soát, đánh giá, xác định Danh sách quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực.

- Tác động về giới: Không làm hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính khả thi khi triển khai thực hiện.

+ Tiêu cực: Phát sinh thời gian đàm phán giữa Việt Nam và EU để thống nhất nội dung đã điều chỉnh, đồng thời đề xuất chỉnh sửa tiêu chí này tại Phụ lục V Hiệp định VPA/FLEGT.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật, Bộ Nông nghiệp và PTNT lựa chọn thực hiện theo giải pháp 2 cho phù hợp với thực tiễn quá trình đánh giá, công nhận quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam hiện nay.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

3. Chính sách 3: Sửa đổi, bổ sung đối tượng xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp trước khi xuất khẩu.

a) Xác định vấn đề bất cập: Tạo sự phân biệt trong hoạt động xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp trước khi xuất khẩu lô hàng gỗ giữa thị trường EU và ngoài EU.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Tạo sự bình đẳng trong việc xác định đối tượng phải xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp trước khi cấp giấy phép FLEGT hoặc trước khi xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU hoặc ngoài EU.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng *(Nhà nước không can thiệp bằng việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế trang trại)*.

Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung để bảo đảm không có sự phân biệt đối tượng phải xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp trước khi cấp giấy phép FLEGT hoặc trước khi xuất khẩu sang thị trườngEU hoặc ngoài EU.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực: Không tốn kém thêm thời gian, nhân lực, không phát sinh chi phí để xây dựng và phổ biến những quy định mới cũng như thời gian tìm hiểu, áp dụng các quy định.

+ Tiêu cực: Phân biệt chế độ quản lý nguồn gốc gỗ hợp pháp giữa thị trường EU và ngoài EU.

- Tác động về hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Tiêu cực: Không bảo đảm các điều kiện công bằng, bình bẳng về chính sách quản lý gỗ xuất khẩu giữa các thị trường khác nhau.

Giải pháp 2

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Tích cực:

Giảm bớt chi phí cho doanh nghiệp do không phải thực hiện trách nhiệm giải trình khi xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường EU hoặc các thị

trường khác đang yêu cầu trách nhiệm giải trình nguồn gốc gỗ hợp pháp trước khi xuất khẩu.

Giúp cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát tốt chuỗi cung ứng gỗ thông qua việc kiểm soát chặt chẽ đầu vào (gỗ nhập khẩu, gỗ khai thác) và đầu ra (gỗ xuất khẩu), giúp ngăn ngừa gỗ bất hợp pháp tham gia xuất khẩu. Nâng cao thương hiệu, trị giá gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Doanh nghiệp nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về hồ sơ nguồn gốc hợp pháp đối với nguồn khai thác gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu và các giai đoạn từ mua bán, vận chuyển, chuyển giao quyền sở hữu gỗ và sản phẩm gỗ.

+ Tiêu cực: (i) Tăng chi phí, thời gian, thủ tục xuất khẩu của doanh nghiệp không thuộc doanh nghiệp Nhóm I; (ii) Tăng thêm nhiệm vụ cho cơ quan Kiểm lâm.

- Tác động đến hệ thống pháp luật:

+ Tích cực: Có văn bản pháp lý quy định công bằng, minh bạch; giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quản lý gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu.

+ Tiêu cực: Làm thay đổi quy định hiện hành về đối tượng phải thực hiện xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp trước khi xuất khẩu.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội và tác động đối với hệ thống pháp luật, Bộ Nông nghiệp và PTNT lựa chọn thực hiện theo giải pháp 2 nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Các Bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chính sách tại Nghị định này. Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định hàng năm thông qua các cuộc kiểm tra việc tổ chức thực hiện của các địa phương cấp tỉnh và tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện hằng năm.

Các địa phương tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định hằng năm thông qua các cuộc kiểm tra việc tổ chức thực hiện của cơ quan Kiểm lâm và các cơ quan chức năng có liên quan; các hội nghị đánh giá kết quả thực hiện được lồng ghép tổng kết nhiệm vụ của ngành nông nghiệp nên không phát sinh thêm kinh phí.

Trường hợp quá trình thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này phát sinh vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo và đề xuất Chính phủ hướng xử lý.

Trên đây báo cáo đánh giá tác động Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, KL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Nguyễn Quốc Trị